

PHẦN 1: ĐỀ CƯƠNG

I. Đọc hiểu văn bản

1. Văn bản

+ **Thể loại:** Văn bản văn học (thơ hiện đại).

+ **Ngữ liệu:** Ngoài sách giáo khoa thuộc các thể loại được học trong chương trình; có thể là 01 đoạn trích/ văn bản hoàn chỉnh; có nguồn rõ ràng, độ tin cậy cao, có ý nghĩa giáo dục, xã hội, nhân văn sâu sắc.

*** Yêu cầu cần đạt**

- Nhận biết và phân tích được nét độc đáo về hình thức của bài thơ thể hiện qua bố cục, kết cấu, ngôn ngữ, biện pháp tu từ.

- Nhận biết và phân tích được tình cảm, cảm xúc, cảm hứng chủ đạo của người viết thể hiện qua văn bản.

- Nhận biết và phân tích được chủ đề, tư tưởng, thông điệp mà văn bản muốn gửi đến người đọc thông qua hình thức nghệ thuật của văn bản; phân tích được một số căn cứ để xác định chủ đề.

- Nêu được những thay đổi trong suy nghĩ, tình cảm, lối sống, cách thưởng thức, đánh giá của cá nhân do văn bản đã học mang lại.

2. Tiếng Việt

Chơi chữ, điệp thanh, điệp vần.

*** Yêu cầu cần đạt**

Nhận biết được biện pháp tu từ chơi chữ, điệp thanh và điệp vần: đặc điểm và tác dụng.

II. Viết

1. Viết đoạn nghị luận văn học

Viết đoạn văn nghị luận phân tích về bài thơ/đoạn thơ (*phân tích một khía cạnh về nội dung chủ đề, một vài nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật và hiệu quả thẩm mỹ của nó*)

2. Viết bài nghị luận xã hội

Viết bài văn về một vấn đề đáng quan tâm trong đời sống phù hợp với lứa tuổi (ví dụ: vấn đề môi trường, vấn đề mạng xã hội, vấn đề an toàn thực phẩm...)

*** Yêu cầu cần đạt**

- Viết được bài văn nghị luận xã hội về một vấn đề đáng quan tâm trong đời sống.

- Trình bày được ý kiến về một vấn đề xã hội; nêu rõ ý kiến và các luận điểm; sử dụng lý lẽ và bằng chứng thuyết phục.

PHẦN 2: CẤU TRÚC, MA TRẬN ĐỀ

I. Hình thức, thời gian kiểm tra

- Hình thức kiểm tra: Tự luận
- Số câu: 06
- + Đọc hiểu: 04
- + Viết: 02
- Số điểm: 10
- Thời gian làm bài: 90 phút

II. Ma trận

Nội dung		Mức độ nhận thức			Điểm	
		Biết	Hiểu	Vận dụng	Tỉ lệ	Số điểm
1. Đọc hiểu văn bản (Ngữ liệu ngoài SGK)		2,0 điểm	1,0 điểm	1,0 điểm	40%	4,0
2. Viết	Đoạn văn nghị luận văn học (khoảng 150- 200 chữ)			2,0 điểm	20%	2,0
	Bài văn nghị luận xã hội về một vấn đề đáng quan tâm trong đời sống (khoảng 400 chữ)			4,0 điểm	40%	4,0
Tổng cộng		2,0	1,0	7,0	100%	10,0

-Hết-

PHẦN 3: KHÁI QUÁT KIẾN THỨC TRỌNG TÂM:

I. THỂ LOẠI:

* THƠ:

1. Khái niệm thơ tám chữ

- Thơ tám chữ là thể thơ mỗi dòng có tám chữ, khổ thơ dài ngắn khác nhau hoặc không chia khổ và có cách ngắt nhịp đa dạng.

2. Đặc điểm thể loại thơ tám chữ

- Về cách gieo vần, thơ tám chữ thường gieo vần chân và vần liền thành từng cặp luân phiên bằng, trắc.

3. Kết cấu của bài thơ, ngôn ngữ thơ

- Kết cấu của bài thơ được biểu hiện ở mọi phương diện tổ chức của tác phẩm:

+ Sự lựa chọn thể thơ

+ Sự sắp xếp các phần, các đoạn thơ theo một trình tự nhất định

+ Sự triển khai mạch cảm xúc

+ Sự phối hợp của vần, nhịp, hình ảnh thơ, các biện pháp tu từ.

- Ngôn ngữ thơ: hàm súc, ngắn gọn, giàu hình ảnh, gợi nhiều hơn tả, giàu nhạc điệu, được tổ chức thành một cấu trúc đặc biệt: có vần, nhịp, thanh, điệp, đối...

4. Cách đọc hiểu thể loại thơ

- Sử dụng kỹ năng tưởng tượng, suy luận khi đọc các từ ngữ, hình ảnh đặc sắc trong thơ.

- Xác định thể thơ và những đặc điểm chính của thể thơ.

- Tìm hiểu chủ thể trữ tình của bài thơ: lời của bài thơ là lời của ai, nói với ai, trong hoàn cảnh nào?

- Xác định chủ đề của bài thơ.

- Tìm và phân tích nét độc đáo về hình thức bài thơ (kết cấu, ngôn ngữ, biện pháp tu từ)

- Làm rõ tình cảm, cảm xúc và cảm hứng chủ đạo của bài thơ.

- Xác định bố cục, chủ đề, thông điệp mà tác giả muốn gửi đến người đọc.

* VĂN BẢN NGHỊ LUẬN

1. Khái niệm

Văn nghị luận là loại văn bản có mục đích *thuyết phục* người đọc (người nghe) về một vấn đề. Trong văn nghị luận, người viết trình bày *ý kiến* về một vấn đề mà mình quan tâm, sử dụng *lí lẽ, bằng chứng* để củng cố cho ý kiến của mình.

2. Đặc điểm thể loại

a. Luận đề và luận điểm trong văn nghị luận

- *Luận đề* là vấn đề chính được nêu ra để bàn luận trong VB nghị luận.

- *Luận điểm* là những ý kiến thể hiện quan điểm của người viết về luận đề.

-> Trong VB nghị luận, luận đề được thể hiện bằng luận điểm và làm sáng tỏ bằng lí lẽ, bằng chứng

b. Bảng chứng khách quan và ý kiến, đánh giá chủ quan của người viết trong văn nghị luận

Bảng chứng khách quan	Ý kiến, đánh giá chủ quan của người viết
Là các thông tin khách quan như: số liệu, thời gian, nơi chốn, con người, sự kiện	Là các ý kiến chủ quan như: quan điểm cá nhân về một vấn đề đang tranh cãi, dự đoán về tương lai, đánh giá chủ quan về sự việc, hiện tượng; có thể được diễn đạt bằng các cụm từ như: <i>tôi cho rằng, tôi thấy,...</i> hoặc các tính từ thể hiện sự đánh giá chủ quan.
Dựa trên những thí nghiệm, nghiên cứu, có nguồn đáng tin cậy; có thể xác định đúng, sai dựa vào thực tế.	Dựa trên cảm nhận, cách nhìn, diễn giải của cá nhân; không có cơ sở để kiểm chứng

c. Cách trình bày vấn đề khách quan và cách trình bày vấn đề chủ quan trong văn bản nghị luận:

- Cách trình bày vấn đề khách quan chỉ đưa thông tin, nêu ra các bằng chứng khách quan. Cách trình bày này tạo ra cơ sở vững chắc, đảm bảo tính chính xác, đúng đắn cho lập luận.
- Cách trình bày vấn đề chủ quan đưa ra ý kiến, đánh giá chủ quan, thể hiện rõ tình cảm, quan điểm của người viết. Cách trình bày này tác động đến cảm xúc của người đọc, khơi gợi sự đồng cảm, mối quan tâm của người đọc về những vấn đề được bàn luận.

3. Cách đọc thể loại VB nghị luận

- Xác định luận đề, luận điểm, lí lẽ, bằng chứng được nêu trong VB; vẽ sơ đồ thể hiện mối quan hệ giữa các yếu tố này.
- Chỉ ra mục đích viết của VB và mối quan hệ giữa mục đích viết với đặc điểm của VB
- Nhận biết lí lẽ, bằng chứng khách quan với ý kiến, đánh giá chủ quan của người viết.
- Xác định và phân tích được cách trình bày vấn đề khách quan và cách trình bày vấn đề chủ quan.

II. TIẾNG VIỆT: BIỆN PHÁP TU TỪ CHƠI CHỮ, ĐIỆP THANH, ĐIỆP VẦN

1. Chơi chữ:

- Khái niệm và tác dụng: là biện pháp tu từ sử dụng âm thanh, từ ngữ để tạo ra ý nghĩa bất ngờ, thú vị.
- Các lối chơi chữ:
 - + Dựa trên hiện tượng đồng âm.
 - + Lối nói gần âm (trại âm).
 - + Cách điệp âm:
 - + Lối nói lái.

+ Lỗi tách từ.

- Phạm vi sử dụng: Trong văn chương và trong cuộc sống hàng ngày.

2. Điệp thanh: là biện pháp tu từ lặp lại thanh điệu (thường là cùng thuộc thanh bằng hoặc thanh trắc) nhằm mục đích tạo nên nhạc tính, tăng tính tạo hình và sức biểu cảm cho văn bản.

3. Điệp vần: là biện pháp tu từ lặp lại những âm tiết có phần vần giống nhau nhằm mục đích làm tăng sức biểu và nhạc tính cho văn bản.

III. KIẾN THỨC CHUNG VỀ ĐOẠN VĂN GHI LẠI CẢM NGHĨ VỀ BÀI-ĐOẠN THƠ.

1. Khái niệm

Đoạn văn ghi lại cảm nghĩ về một bài thơ tám chữ là đoạn văn thể hiện cảm xúc, suy nghĩ của người đọc về một bài thơ tám chữ.

2. Yêu cầu của dạng bài

- Trình bày cảm nghĩ của người viết về một bài thơ tám chữ.

- Cấu trúc gồm có ba phần:

+ Mở đoạn: giới thiệu nhan đề, tác giả và cảm nghĩ chung của người viết về bài thơ bằng một câu (câu chủ đề)

+ Thân đoạn: trình bày cảm xúc, suy nghĩ của bản thân về một hoặc vài nét đặc sắc trong nội dung và hình thức nghệ thuật của bài thơ; làm rõ cảm xúc, suy nghĩ bằng những hình ảnh, từ ngữ được trích bài thơ.

+ Kết đoạn: Khẳng định lại cảm nghĩ về bài thơ và ý nghĩa của bài thơ đối với bản thân.

3/ Dạng đề viết đoạn văn ghi lại cảm nghĩ về một bài thơ tám chữ

a/ Dạng đề cụ thể (dạng đề đóng) là dạng đề nêu rõ yêu cầu, nội dung và đối tượng.

b. Dạng đề mở: là dạng đề chỉ nêu yêu cầu ghi lại cảm xúc về một bài thơ tự do, không nêu rõ nội dung và đối tượng cần ghi lại cảm xúc.

Bước 1: Chuẩn bị trước khi viết

- Xác định mục đích viết và người đọc đoạn văn:

+ Mục đích viết ghi lại cảm nghĩ của bản thân về một bài thơ tự do.

+ Người đọc: Chủ yếu là thầy, cô, bạn bè

=> Lựa chọn cách viết phù

- Đọc và xác định yêu cầu của bài tập về kiểu bài, nội dung và dung lượng bài viết: đoạn văn ghi lại cảm xúc về bài thơ tám chữ

- Xác định đề tài: Tìm bài thơ đúng thể loại.

- Thu thập tài liệu:

+ Tìm đọc các bài thơ tám chữ.

+ Tìm các thông tin liên quan đến tác giả, bài thơ,...

Bước 2: Tìm ý và lập dàn ý

a/Tìm ý:

Cảm xúc, ý tưởng của tác giả qua bài thơ?	
Xác định chủ đề của bài thơ?	
Những cái hay của bài thơ về cách sử dụng từ ngữ, hình ảnh, giọng điệu và các biện pháp tu từ, cách sắp xếp bố cục,... thể hiện cảm xúc và ý tưởng của tác giả?	
Bài thơ mang lại cho em những cảm xúc nào?	
Bài thơ gửi đến cho người đọc thông điệp gì?	

b/ Lập dàn ý:

Mở đoạn: Giới thiệu nhan đề bài thơ, tên tác giả và nêu cảm nghĩ chung về bài thơ.

Thân đoạn: Nêu các ý thể hiện cảm xúc và suy nghĩ về toàn bộ bài thơ hoặc một vài nét độc đáo của bài thơ.

Kết đoạn:

- Khẳng định lại cảm nghĩ về bài thơ và ý nghĩa của nó đối với bản thân.

Bước 3: Viết bài

Dựa vào dàn ý, viết một đoạn văn hoàn chỉnh. Khi viết, cần chú ý đảm bảo yêu cầu về nội dung và hình thức của đoạn văn.

Bước 4: Xem lại và chỉnh sửa, rút kinh nghiệm.

- Sau khi viết xong, em có thể tự chỉnh sửa đoạn văn dựa vào bảng kiểm.

- Tiếp tục chỉnh sửa nếu đoạn văn chưa thể hiện đầy đủ các yêu cầu đối với đoạn văn chia sẻ cảm xúc về một bài thơ tám chữ.

- Chỉnh sửa lỗi chính tả, ngữ pháp.

IV. PHƯƠNG PHÁP VIẾT BÀI NGHỊ LUẬN XÃ HỘI VỀ MỘT VẤN ĐỀ CẦN GIẢI QUYẾT

	VẤN ĐỀ TÍCH CỰC	VẤN ĐỀ TIÊU CỰC
I.	MỞ BÀI: - Giới thiệu vấn đề. - Nêu tầm quan trọng của vấn đề.	
II.	THÂN BÀI:	
	1. Giải thích vấn đề? - Giải thích từ khóa - Giải thích bằng cách sử dụng từ đồng nghĩa (dễ nhất)	
	2. Phân tích vấn đề	
	2.a. Biểu hiện của vấn đề?	2.a. Thực trạng của vấn đề?
		2.b. Nguyên nhân xảy ra vấn đề? - Chủ quan: do bản thân người đó - Khách quan: nguyên nhân từ bên ngoài tác động vào như gia đình, bạn bè, nhà trường, xã hội
	2.b. Vì sao cần giải quyết vấn đề? (Ích lợi/ Ý nghĩa nếu vấn đề được giải quyết?)	2.c. Vì sao cần giải quyết vấn đề? (Hậu quả xảy ra nếu vấn đề không được giải quyết)
	3. Phản biện: - Đưa ra ý kiến trái chiều và phản bác.	
	4. Giải pháp giải quyết vấn đề (Trọng tâm) (nêu ít nhất 3 giải pháp) - Ai là người thực hiện giải pháp? - Cách thực hiện giải pháp? - Công cụ/ phương pháp hỗ trợ (nếu có)? - Lí giải phân tích tại sao nên áp dụng giải pháp này? - Bằng chứng về việc áp dụng thành công giải pháp (nếu có)	
	5. Liên hệ bản thân: - Kết nối với những trải nghiệm cá nhân	
III.	KẾT BÀI: - Khẳng định lại ý kiến của bản thân về tầm quan trọng của việc giải quyết vấn đề. - Đưa ra thông điệp, bài học.	

V. THỰC HÀNH ĐỀ KIỂM TRATHỮ:

I. ĐỌC- HIỂU (4.0 điểm) Đọc văn bản sau và trả lời câu hỏi:

ĐAU LÒNG LŨ LỤT MIỀN TRUNG

Mưa giăng mắc nỗi buồn nhân thế
Mờ chân mây dẫu bề đón đưa
Ai làm bão tố gió mưa
Đời chan nước mắt, héo dứa kiếp người!

Ngày rất mặt, ngang trời mưa đổ
Đêm giá băng sương nhỏ lệ rơi
Mây đen phủ kín bầu trời
Sinh linh chết đứng giữa trời nước non!

Nghe gió thổi lòng còn bão tố
Tiếng mưa rơi thác đổ ngàn xa
Lũ ơi, sắp ngựa ập oà
Nước ơi, trắng xoá lệ nhòa bóng quê!

Mưa gấp khúc đường về nẻo cũ
Bong bóng trôi theo lũ cuốn đê
Bàn tay kêu cứu - tái tê
Thò qua mái ngói bốn bề nước trôi!

Nhìn trẻ nhỏ màn trời chiếu nước
Các cụ già rét mướt tái xanh
Cuộc đời lúc rách lúc lành
Người mình chia sẻ đã thành bản năng!

Cùng một bọc, chung cảnh chung gốc
Nào cùng chia bão lộc gió sương
“Nhiều điều phủ lấy giá gương”...!

(Phạm Ngọc San trích “Khoảng lặng xôn xao” NXB hội nhà văn 2018)

Câu 1 (0,5 điểm): Văn bản trên được viết theo thể thơ nào?

Câu 2 (0,5 điểm) Từ ngữ nào trong bài thơ cho thấy lũ lụt Miền Trung là một thiên tai nghiêm trọng?

Câu 3 (1.0 điểm): Bố cục bài thơ gồm mấy phần? Nêu nội dung chính của từng phần?

Câu 4(1.0 điểm) Cụm từ “*cùng một bọc*” Khiến người đọc liên tưởng đến câu chuyện nào?Việc gọi nhắc câu chuyện đó trong bài thơ có ý nghĩa gì?

Câu 5 (1.0 điểm):Tình cảnh của người dân sống giữa thiên tai được thể hiện trong bài thơ gợi cho em cảm xúc suy nghĩ gì?

II. VIẾT(6.0 điểm)

Câu 1 (2.0 điểm):Viết đoạn văn (khoảng 200 chữ) phân tích ba dòng thơ cuối của văn bản *Đau lòng lũ lụt Miền Trung* được trích trong phần đọc hiểu.

Câu 2 (4.0 điểm): Qua bài thơ và thực tế chúng ta thấy con người luôn có mối quan hệ mật thiết với tự nhiên. Em hãy viết bài văn nghị luận khoảng (400 chữ) bàn về mối quan hệ giữa con người với sự biến đổi khí hậu.

*** ĐỀ 2: Đọc đoạn thơ sau:**

*Cứ thế, tôi dần gắn chặt quê hương,
Mảnh đất định hình dáng thời thơ ấu,
Trong tiềm thức, tới giờ còn nung nấu
Con đom đóm khuya ẩn hiện khóm trầu
Hương thơm tản ngán nắng mới hoa cau
Tiếng vót dừa, chuốt nan...rì rì tĩnh lặng
Thậm thích nhịp chày ban trưa dai dẳng
Quạt giấy phát giòn, khô tí tách sân phơi...*

*Bao màu sắc tạo thành ký ức quê tôi
Mãi cũ kỹ, bền lâu... tưởng chừng bất biến,
Nhưng không phải! Màu sắc rồi hình tiếng
Đều có tuổi nhỏ tuổi già, sống chết với con người!*

*... Phong bánh khảo nhỏ nhoi ngày xưa bao giấy đỏ
Chùm hạt cườm nhiều màu, trẻ lòng khít cổ tay...
Tìm đâu thấy, cùng tuổi thơ tí tắp?
Biết còn có ai cần?...Nếp sống đã đổi thay!*

*Mấy thế hệ qua rồi... Các cháu vào lớp mới
Bài lịch sử dài hơn – từ thuở đó đến giờ!
Ruộng đất "hợp tác" rồi, lại "khoán, chia"... lần nữa,
Lễ hội ngỡ quên dần, lại tấp nập như xưa...*

*Bỗng chốc giật mình, thấy rêu phong bám vào kỷ niệm,
Với ký ức nhạt nhòa, đọng cách nhìn bất biến từ xa...*

*Khi quê cũ không ngừng xoá đi, dựng lại,
Yêu bằng ký ức thôi - đủ khiến hoá thành già!!!*

Son Tây, 1977–1986

(Trích *Một ý nghĩ về quê cũ*, Bằng Việt, nguồn: <https://www.thivien.net>)

Câu 1.(1.0 điểm) Xác định thể thơ và chủ của văn bản trên.

Câu 2. (1.0 điểm) Tìm các hình ảnh, âm thanh gắn liền với quê cũ trong kí ức của tác giả.

Câu 3.(1.0 điểm) Xác định và nêu tác dụng 01 phép tu từ được sử dụng trong đoạn thơ sau:

*Bao màu sắc tạo thành ký ức quê tôi
Mãi cũ kỹ, bền lâu... tưởng chừng bất biến,
Nhưng không phải! Màu sắc rồi hình tiếng
Đều có tuổi nhỏ tuổi già, sống chết với con người!*

Câu 4.(1.0 điểm) Những câu thơ sau gợi cho em suy nghĩ gì?

*Mấy thế hệ qua rồi... Các cháu vào lớp mới
Bài lịch sử dài hơn – từ thuở đó đến giờ!
Ruộng đất "hợp tác" rồi, lại "khoán, chia"... lần nữa,
Lễ hội ngỗ quên dần, lại tấp nập như xưa...*

II. VIẾT(6.0 điểm)

Câu 1 (2.0 điểm):Viết đoạn văn (khoảng 200 chữ) phân tích khổ thơ đầu của văn bản được trích trong phần đọc hiểu.

Câu 2 (4.0 điểm): *Mạng xã hội là một thành tựu khoa học - công nghệ của nhân loại, tạo thêm không gian để chia sẻ, trao đổi thông tin và kết nối, hợp tác trên phạm vi toàn cầu. Trước sự phát triển nhanh chóng của mạng xã hội, chúng ta cần phải nhận diện đúng những thông tin xấu, độc khi tiếp cận nhằm phát huy những mặt tích cực, ngăn ngừa những tác động tiêu cực, góp phần ổn định chính trị xã hội của đất nước và xây dựng một môi trường sống an toàn, chất lượng.*

Là một học sinh, em cần ứng xử thế nào trước những thông tin xấu độc và tiêu cực trên mạng? Viết bài văn nghị luận (Khoảng 400 chữ) bàn về vấn đề đó.

CHÚC CÁC EM LÀM BÀI TỐT NHẤT CÓ THỂ!